**BẢN SO SÁNH**

**Dự thảo Thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 52 và Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về xếp hạng TCTD, chi nhánh NHNNg (DTTT)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Thông tư số 52** | **Nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 52** | **Lý do sửa đổi, bổ sung** |
| **1** | **QUY ĐỊNH CHUNG**  **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về việc xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | **QUY ĐỊNH CHUNG**  **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về việc xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **2** | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:  a) Tổ chức tín dụng bao gồm: Ngân hàng thương mại (bao gồm ngân hàng thương mại do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài), ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính;  b) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Thông tư này không áp dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt;  b) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã gửi Ngân hàng Nhà nước hồ sơ đề nghị giải thể (trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giải thể tự nguyện) hoặc đã bị Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu thanh lý tài sản, thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý (trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép) theo quy định của pháp luật;  c) Thời gian hoạt động chưa đủ 24 tháng kể từ ngày khai trương hoạt động. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:  a) Tổ chức tín dụng bao gồm: Ngân hàng thương mại (bao gồm ngân hàng thương mại do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài), ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính;  b) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Thông tư này không áp dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt;  b) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã gửi Ngân hàng Nhà nước hồ sơ đề nghị giải thể (trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giải thể tự nguyện) hoặc đã bị Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu thanh lý tài sản, thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý (trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép) theo quy định của pháp luật;  c) Thời gian hoạt động chưa đủ 24 tháng kể từ ngày khai trương hoạt động. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **3** | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. *Tỷ lệ an toàn vốn* là chỉ tiêu được xác định theo quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) (sau đây gọi tắt là Thông tư 36/2014/TT-NHNN). Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) (sau đây gọi tắt là Thông tư 41/2016/TT-NHNN), tỷ lệ an toàn vốn được xác định theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN.  2. *Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1* là chỉ tiêu được xác định cụ thể như sau:  a) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 36/2014/TT-NHNN, tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 được xác định bằng công thức:  Việc xác định Vốn cấp 1 riêng lẻ, Tổng tài sản Có rủi ro riêng lẻ theo quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN.  b) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN, tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 được xác định bằng công thức:  Trong đó:   * RWA: Tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng * : Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động   - : Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường  Việc xác định Vốn cấp 1, RWA, Thông tư 41/2016/TT-NHNN.  3. *Nợ cơ cấu tiềm ẩn trở thành nợ xấu* là các khoản nợ chưa chuyển nợ xấu do được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. *Nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được* là các khoản nợ xấu đã bán cho Công ty mua bán tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt và chưa được xử lý, thu hồi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  5. *Khách hàng có dư nợ cấp tín dụng lớn* là khách hàng (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có dư nợ cấp tín dụng chiếm từ 5% vốn tự có trở lên của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  6. *Chi phí hoạt động* là khoản mục Chi phí hoạt động phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  7. *Tổng thu nhập hoạt động* là tổng của các khoản Thu nhập lãi thuần, Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ, Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh, Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư, Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác và Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  8. *Vốn chủ sở hữu bình quân* là khoản mục vốn chủ sở hữu phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được tính bình quân các quý trong năm.  9. *Tổng tài sản bình quân* là khoản mục tổng tài sản phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được tính bình quân các quý trong năm.  10. *Thu nhập lãi cận biên (NIM)* là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này phản ánh chênh lệch giữa lãi suất huy động bình quân và lãi suất cho vay bình quân của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này được xác định như sau:  Trong đó:  - Thu nhập lãi thuần là khoản mục Thu nhập lãi thuần phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Tài sản Có sinh lãi bình quân là tổng các khoản mục Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác (không bao gồm dự phòng rủi ro), Cho vay khách hàng (không bao gồm dự phòng rủi ro), Mua nợ (không bao gồm dự phòng rủi ro), Chứng khoán đầu tư (không bao gồm dự phòng giảm giá), phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được tính bình quân các quý trong năm.  11. *Số ngày lãi phải thu* là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này phản ánh số ngày cần thiết để thu các khoản lãi phải thu đã ghi nhận vào thu nhập của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này được xác định như sau:  Trong đó:  - Lãi và phí phải thu là khoản mục Lãi và phí phải thu phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Thu nhập từ lãi và các khoản tương tự là Thu nhập từ lãi và các khoản tương tự phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - n nhận các giá trị lần lượt như sau: n =4 nếu ước tính số ngày lãi phải thu của năm xếp hạng dựa trên số liệu của Quý, n = 2 nếu ước tính số ngày lãi phải thu của năm xếp hạng dựa trên số liệu 6 tháng, n = 4/3 nếu ước tính số ngày lãi phải thu của năm xếp hạng dựa trên số liệu 9 tháng, n = 1 nếu xác định số ngày lãi phải thu của năm xếp hạng dựa trên số liệu năm.  12. *Tài sản có tính thanh khoản cao bình quân* là tài sản có tính thanh khoản cao được xác định theo quy định của pháp luật về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tỷ lệ khả năng chi trả), được tính bình quân các ngày làm việc cuối cùng của các quý trong năm.  13. *Khách hàng có số dư tiền gửi lớn* là 10 khách hàng (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có số dư tiền gửi lớn nhất tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  14. *Tỷ lệ tổng trạng thái ngoại tệ so với vốn tự có riêng lẻ bình quân* được xác định như sau:  Trong đó:  - k nhận các giá trị từ 1 đến 12, tương ứng với 12 tháng trong năm xếp hạng. Trong trường hợp k = 1, Vốn tự có riêng lẻ tháng (k-1) là Vốn tự có riêng lẻ tại thời điểm cuối tháng 12 của năm liền kề trước năm xếp hạng.  - Tổng trạng thái ngoại tệ dương tháng k và tổng trạng thái ngoại tệ âm tháng k được xác định theo quy định pháp luật về trạng thái ngoại tệ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại ngày làm việc cuối cùng của tháng k.  - Vốn tự có riêng lẻ được xác định theo quy định của pháp luật về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ).  15. *Tỷ lệ chênh lệch giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nợ phải trả nhạy cảm lãi suất so với Vốn chủ sở hữu* được xác định như sau:  Trong đó:  - Tài sản nhạy cảm lãi suất là Tổng tài sản nội bảng nhạy cảm với lãi suất (không bao gồm tài sản không chịu lãi) phản ánh trên Thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Nợ phải trả nhạy cảm lãi suất là Tổng nợ phải trả nội bảng cân đối kế toán nhạy cảm với lãi suất phản ánh trên Thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Vốn chủ sở hữu khoản mục vốn chủ sở hữu phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  16. *Mức phạt tiền trung bình* *đối với vi phạm* là giá trị trung bình của mức phạt tiền tối đa và mức phạt tiền tối thiểu của khung tiền phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm của tổ chức được quy định tại Nghị định quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1*. Tỷ lệ an toàn vốn* *là chỉ tiêu được xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*  *2. Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1* là chỉ tiêu được xác định cụ thể như sau:  *a) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) (sau đây gọi tắt là Thông tư 41/2016/TT-NHNN)), tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 được xác định bằng công thức:*  b) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 được xác định bằng công thức:  Trong đó:   * RWA: Tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng * : Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động   - : Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường  3. *Nợ cơ cấu tiềm ẩn trở thành nợ xấu* là các khoản nợ chưa chuyển nợ xấu do được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. *Nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được* là các khoản nợ xấu đã bán cho Công ty mua bán tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt và chưa được xử lý, thu hồi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  *5. Khách hàng có dư nợ tín dụng lớn* là khách hàng (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có dư nợ tín dụng chiếm từ 5% vốn tự có trở lên của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài). *Riêng đối với Ngân hàng Hợp tác xã, khách hàng có dư nợ tín dụng lớn bao gồm cả Quỹ tín dụng nhân dân thành viên.*  6. *Chi phí hoạt động* là khoản mục Chi phí hoạt động phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  7. *Tổng thu nhập hoạt động* là tổng của các khoản Thu nhập lãi thuần, Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ, Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh, Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư, Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác và Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  8. *Vốn chủ sở hữu bình quân* là khoản mục vốn chủ sở hữu phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được tính bình quân các quý trong năm.  9. *Tổng tài sản bình quân* là khoản mục tổng tài sản phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được tính bình quân các quý trong năm.  10. *Thu nhập lãi cận biên (NIM)* là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này phản ánh chênh lệch giữa lãi suất huy động bình quân và lãi suất cho vay bình quân của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này được xác định như sau:  Trong đó:  - Thu nhập lãi thuần là khoản mục Thu nhập lãi thuần phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Tài sản Có sinh lãi bình quân là tổng các khoản mục Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác (không bao gồm dự phòng rủi ro), Cho vay khách hàng (không bao gồm dự phòng rủi ro), Mua nợ (không bao gồm dự phòng rủi ro), *Chứng khoán đầu tư (không bao gồm dự phòng rủi ro, dự phòng giảm giá, không bao gồm trái phiếu VAMC)*, phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được tính bình quân các quý trong năm.  11. *Số ngày lãi phải thu* là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này phản ánh số ngày cần thiết để thu các khoản lãi phải thu đã ghi nhận vào thu nhập của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này được xác định như sau:  Trong đó:  - Lãi và phí phải thu là khoản mục Lãi và phí phải thu phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Thu nhập từ lãi và các khoản tương tự là Thu nhập từ lãi và các khoản tương tự phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - n nhận các giá trị lần lượt như sau: n =4 nếu ước tính số ngày lãi phải thu của năm xếp hạng dựa trên số liệu của Quý, n = 2 nếu ước tính số ngày lãi phải thu của năm xếp hạng dựa trên số liệu 6 tháng, n = 4/3 nếu ước tính số ngày lãi phải thu của năm xếp hạng dựa trên số liệu 9 tháng, n = 1 nếu xác định số ngày lãi phải thu của năm xếp hạng dựa trên số liệu năm.  12. *Tài sản có tính thanh khoản cao bình quân* là tài sản có tính thanh khoản cao được xác định theo quy định của pháp luật về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tỷ lệ khả năng chi trả), được tính bình quân các ngày làm việc cuối cùng của các quý trong năm.  13. *Khách hàng có số dư tiền gửi lớn* là 10 khách hàng (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có số dư tiền gửi lớn nhất tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  14. *Tỷ lệ tổng trạng thái ngoại tệ so với vốn tự có riêng lẻ bình quân* được xác định như sau:  Trong đó:  - k nhận các giá trị từ 1 đến 12, tương ứng với 12 tháng trong năm xếp hạng. Trong trường hợp k = 1, Vốn tự có riêng lẻ tháng (k-1) là Vốn tự có riêng lẻ tại thời điểm cuối tháng 12 của năm liền kề trước năm xếp hạng.  - Tổng trạng thái ngoại tệ dương tháng k và tổng trạng thái ngoại tệ âm tháng k được xác định theo quy định pháp luật về trạng thái ngoại tệ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại ngày làm việc cuối cùng của tháng k.  - Vốn tự có riêng lẻ được xác định theo quy định của pháp luật về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ).  15. *Tỷ lệ chênh lệch giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nợ phải trả nhạy cảm lãi suất so với Vốn chủ sở hữu* được xác định như sau:  Trong đó:  - Tài sản nhạy cảm lãi suất là Tổng tài sản nội bảng nhạy cảm với lãi suất (không bao gồm tài sản không chịu lãi) phản ánh trên Thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  *- Nợ phải trả nhạy cảm lãi suất là Tổng nợ phải trả nội bảng cân đối kế toán nhạy cảm với lãi suất (không bao gồm nợ phải trả không chịu lãi*) phản ánh trên Thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Vốn chủ sở hữu khoản mục vốn chủ sở hữu phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  16. *Mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm* là giá trị trung bình của mức phạt tiền tối đa và mức phạt tiền tối thiểu của khung tiền phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm của tổ chức được quy định tại Nghị định quy định xử phạt hành chính  trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng *có hiệu lực tại thời điểm 31/12 năm xếp hạng (đối với trường hợp xếp hạng trên cơ sở số liệu tại thời điểm ngày 31/12 năm xếp hạng) hoặc ngày cuối cùng của quý liền kề thời điểm thực hiện xếp hạng (đối với trường hợp xếp hạng đột xuất)”.* | Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, 2, 5, 10, 15, 16 Điều 3, cụ thể như sau:  *1. Đối với Khoản 1, Khoản 2 Điều 3:*  Từ ngày 14/02/2021, Thông tư 36/2014/TT-NHNN hết hiệu lực toàn bộ. Do đó, cần sửa đổi nội dung liên quan đến *“tỷ lệ an toàn vốn”, “tỷ lệ an toàn vốn cấp 1”* phù hợp với quy định hiện hành, không tham chiếu đến văn bản đã hết hiệu lực.  *2. Đối với Khoản 5 Điều 3:*  Việc bổ sung quy định về đối tượng khách hàng lớn của Ngân hàng Hợp tác xác (NHHTX) bao gồm cả Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) thành viên nhằm phù hợp với đặc thù hoạt động của NHHTX là ngân hàng của các QTDND.  *3. Đối với Khoản 10 Điều 3:*  Sửa đổi, bổ sung để bao quát và đầy đủ hơn.  *4. Đối với Khoản 15 Điều 3:*  Sửa đổi, bổ sung quy định để đảm bảo thống nhất về hướng dẫn về *“Tài sản nhạy cảm lãi suất”* và *“Nợ phải trả nhạy cảm lãi suất”*.  *5. Đối với Khoản 16 Điều 3:*  Hiện còn có quan điểm về thời điểm xác định “mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm” là căn cứ vào quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng tại thời điểm xếp hạng hay thời điểm xác định hành vi vi phạm. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung làm rõ, cụ thể đây là thời điểm 31/12 năm xếp hạng (đối với trường hợp xếp hạng trên cơ sở số liệu tại thời điểm ngày 31/12 năm xếp hạng) hoặc ngày cuối cùng của quý liền kề thời điểm thực hiện xếp hạng (đối với trường hợp xếp hạng đột xuất). |
| **4** | **Điều 4. Nguyên tắc và phương pháp xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Việc xếp hạng cần đảm bảo phản ánh đầy đủ thực trạng hoạt động, rủi ro của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được chia thành các nhóm đồng hạng, cụ thể như sau:  a) Nhóm 1: Ngân hàng thương mại có quy mô lớn (tổng giá trị tài sản bình quân theo quý trong năm xếp hạng trên 100.000 tỷ đồng);  b) Nhóm 2: Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ (tổng giá trị tài sản bình quân theo quý trong năm xếp hạng bằng hoặc thấp hơn 100.000 tỷ đồng);  c) Nhóm 3: Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  d) Nhóm 4: Công ty tài chính;  đ) Nhóm 5: Công ty cho thuê tài chính;  e) Nhóm 6: Ngân hàng hợp tác xã.  3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xếp hạng theo hệ thống tiêu chí. Từng tiêu chí xếp hạng bao gồm nhóm chỉ tiêu định lượng và nhóm chỉ tiêu định tính. Nhóm chỉ tiêu định lượng đo lường mức độ lành mạnh hoạt động ngân hàng trên cơ sở số liệu hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Nhóm chỉ tiêu định tính đo lường mức độ tuân thủ các quy định pháp luật của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. Trọng số của nhóm chỉ tiêu, trọng số của từng chỉ tiêu theo từng nhóm đồng hạng được xác định trên cơ sở tầm quan trọng của từng nhóm chỉ tiêu, từng chỉ tiêu đối với mức độ lành mạnh hoạt động ngân hàng và yêu cầu của công tác thanh tra, giám sát.  5. Căn cứ vào mức điểm xếp hạng đạt được, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xếp vào một trong các hạng sau: Tốt (A), Khá (B), Trung bình (C), Yếu (D) hoặc Yếu kém (E). | **Điều 4. Nguyên tắc và phương pháp xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Việc xếp hạng cần đảm bảo phản ánh đầy đủ thực trạng hoạt động, rủi ro của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được chia thành các nhóm đồng hạng, cụ thể như sau:  a) Nhóm 1: Ngân hàng thương mại có quy mô lớn (tổng giá trị tài sản bình quân theo quý trong năm xếp hạng trên 100.000 tỷ đồng);  b) Nhóm 2: Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ (tổng giá trị tài sản bình quân theo quý trong năm xếp hạng bằng hoặc thấp hơn 100.000 tỷ đồng);  c) Nhóm 3: Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  d) Nhóm 4: Công ty tài chính;  đ) Nhóm 5: Công ty cho thuê tài chính;  e) Nhóm 6: Ngân hàng hợp tác xã.  3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xếp hạng theo hệ thống tiêu chí. Từng tiêu chí xếp hạng bao gồm nhóm chỉ tiêu định lượng và nhóm chỉ tiêu định tính. Nhóm chỉ tiêu định lượng đo lường mức độ lành mạnh hoạt động ngân hàng trên cơ sở số liệu hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Nhóm chỉ tiêu định tính đo lường mức độ tuân thủ các quy định pháp luật của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. Trọng số của nhóm chỉ tiêu, trọng số của từng chỉ tiêu theo từng nhóm đồng hạng được xác định trên cơ sở tầm quan trọng của từng nhóm chỉ tiêu, từng chỉ tiêu đối với mức độ lành mạnh hoạt động ngân hàng và yêu cầu của công tác thanh tra, giám sát.  5. Căn cứ vào mức điểm xếp hạng đạt được, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xếp vào một trong các hạng sau: Tốt (A), Khá (B), Trung bình (C), Yếu (D) hoặc Yếu kém (E). | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **5** | **Điều 5. Tài liệu, thông tin, dữ liệu để xếp hạng**  1.Tài liệu, thông tin, dữ liệu sử dụng để xếp hạng:  a) Tài liệu, thông tin, dữ liệu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định pháp luật về chế độ báo cáo, thống kê;  b) Kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (bao gồm Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước khác và công ty kiểm toán độc lập);  c) Các tài liệu, thông tin và dữ liệu khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định pháp luật và theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.  2. Số liệu được sử dụng để tính điểm xếp hạng là:  a) Số liệu riêng lẻ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm công ty con, công ty liên kết);  b) Số liệu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 hàng năm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngoại trừ các chỉ tiêu được tính bình quân;  c) Trường hợp thực hiện xếp hạng đột xuất phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Thông tư này, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định phạm vi tài liệu, thông tin, dữ liệu được sử dụng để tính tính điểm xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | **Điều 5. Tài liệu, thông tin, dữ liệu để xếp hạng**  1.Tài liệu, thông tin, dữ liệu sử dụng để xếp hạng:  a) Tài liệu, thông tin, dữ liệu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định pháp luật về chế độ báo cáo, thống kê;  *b) Thông tin, dữ liệu tại báo cáo tài chính được kiểm toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh nước ngoài theo quy định của pháp luật;*  c) Kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (bao gồm Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước khác và công ty kiểm toán độc lập);  d) Các tài liệu, thông tin và dữ liệu khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định pháp luật và theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.  2. Số liệu được sử dụng để tính điểm xếp hạng là:  a) Số liệu riêng lẻ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm công ty con, công ty liên kết);  b) Số liệu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 hàng năm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngoại trừ các chỉ tiêu được tính bình quân;  c) Trường hợp thực hiện xếp hạng đột xuất phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Thông tư này, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định phạm vi tài liệu, thông tin, dữ liệu được sử dụng để tính tính điểm xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | Bổ sung 01 tiết Khoản 1 Điều 5 như sau:  *“...Thông tin, dữ liệu tại báo cáo tài chính được kiểm toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh nước ngoài theo quy định của pháp luật”.*  Lý do:  Tiết b Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 52 về nguồn tài liệu, thông tin, dữ liệu xếp hạng có bao gồm *kết quả kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập*. Trong khi đó, tại tiết c.i Khoản 3 Điều 16 Thông tư số 52, *kết quả kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập* là cơ sở để xác định vi phạm để tính điểm xếp hạng. Do đó, Thông tư số 52 chưa quy định rõ *kết quả kiểm toán* (Báo cáo kiểm toán, Thư quản lý và các tài liệu, bằng chứng liên quan[[1]](#footnote-1)) ngoài việc làm cơ sở để xác định vi phạm còn bao gồm *thông tin, dữ liệu tại báo cáo tài chính được kiểm toán của TCTD* để xếp hạng. |
| **6** | **Điều 6. Hệ thống tiêu chí xếp hạng**  1. Hệ thống tiêu chí được sử dụng để xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm:  a) Vốn (C);  b) Chất lượng tài sản (A);  c) Quản trị điều hành (M);  d) Kết quả hoạt động kinh doanh (E);  đ) Khả năng thanh khoản (L);  e) Mức độ nhạy cảm đối với rủi ro thị trường (S).  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được tính điểm theo các tiêu chí, nhóm chỉ tiêu được quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này. | **Điều 6. Hệ thống tiêu chí xếp hạng**  1. Hệ thống tiêu chí được sử dụng để xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm:  a) Vốn (C);  b) Chất lượng tài sản (A);  c) Quản trị điều hành (M);  d) Kết quả hoạt động kinh doanh (E);  đ) Khả năng thanh khoản (L);  e) Mức độ nhạy cảm đối với rủi ro thị trường (S).  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được tính điểm theo các tiêu chí, nhóm chỉ tiêu được quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **7** | **Mục 1**  **TIÊU CHÍ, NHÓM CHỈ TIÊU XẾP HẠNG**  **Điều 7. Vốn**  Tiêu chí vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ an toàn vốn;  b) Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ các quy định pháp luật về ban hành, rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung, báo cáo Quy định nội bộ về đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định;  b) Tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định;  c) Tuân thủ các quy định pháp luật về giá trị thực của vốn điều lệ, vốn được cấp;  d) Tuân thủ các quy định pháp luật về đánh giá nội bộ về mức đủ vốn. | **Mục 1**  **TIÊU CHÍ, NHÓM CHỈ TIÊU XẾP HẠNG**  **Điều 7. Vốn**  Tiêu chí vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ an toàn vốn;  b) Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ các quy định pháp luật về ban hành, rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung, báo cáo Quy định nội bộ về đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định;  b) Tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định;  c) Tuân thủ các quy định pháp luật về giá trị thực của vốn điều lệ, vốn được cấp;  d) Tuân thủ các quy định pháp luật về đánh giá nội bộ về mức đủ vốn. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **8** | **Điều 8. Chất lượng tài sản**  Tiêu chí chất lượng tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ nợ xấu, nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được và nợ cơ cấu tiềm ẩn trở thành nợ xấu so với tổng nợ cộng thêm các khoản nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được;  b) Tỷ lệ nợ nhóm 2 so với tổng nợ;  c) Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng của các khách hàng có dư nợ cấp tín dụng lớn so với dư nợ cấp tín dụng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân;  d) Tỷ lệ nợ và cam kết ngoại bảng từ nhóm 3 đến nhóm 5 so với tổng nợ và các cam kết ngoại bảng từ nhóm 1 đến nhóm 5;  đ) Tỷ lệ dư nợ cho vay thành viên quỹ tín dụng nhân dân so với tổng dư nợ cho vay;  e) Tỷ lệ dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư (không bao gồm dự phòng rủi ro đã trích lập liên quan đến trái phiếu đặc biệt khi bán nợ cho VAMC) so với tổng số dư chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư (không bao gồm số dư trái phiếu đặc biệt khi bán nợ cho VAMC);  g) Tỷ lệ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn so với tổng số dư góp vốn đầu tư dài hạn.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động cho vay;  b) Tuân thủ các quy định pháp luật về ban hành, rà soát, sửa đổi, bổ sung và báo cáo quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền vay, chính sách dự phòng rủi ro;  c) Tuân thủ các quy định pháp luật về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ;  d) Tuân thủ các quy định pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  đ) Tuân thủ các quy định pháp luật về trích lập và sử dụng các khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi;  e) Tuân thủ các quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt do công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành;  g) Tuân thủ các quy định pháp luật về hạn chế và giới hạn cấp tín dụng;  h) Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý rủi ro tín dụng. | **Điều 8. Chất lượng tài sản**  Tiêu chí chất lượng tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ nợ xấu, nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được và nợ cơ cấu tiềm ẩn trở thành nợ xấu so với tổng nợ cộng thêm các khoản nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được;  b) Tỷ lệ nợ nhóm 2 so với tổng nợ;  c) Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng của các khách hàng có dư nợ cấp tín dụng lớn so với dư nợ cấp tín dụng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân;  *d)* Tỷ lệ nợ và cam kết ngoại bảng từ nhóm 3 đến nhóm 5 so với tổng nợ và các cam kết ngoại bảng từ nhóm 1 đến nhóm 5;  *đ)* Tỷ lệ dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư (không bao gồm dự phòng rủi ro đã trích lập liên quan đến trái phiếu đặc biệt khi bán nợ cho VAMC) so với tổng số dư chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư (không bao gồm số dư trái phiếu đặc biệt khi bán nợ cho VAMC);  g) Tỷ lệ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn so với tổng số dư góp vốn đầu tư dài hạn.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động cho vay;  b) Tuân thủ các quy định pháp luật về ban hành, rà soát, sửa đổi, bổ sung và báo cáo quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền vay, chính sách dự phòng rủi ro;  c) Tuân thủ các quy định pháp luật về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ;  d) Tuân thủ các quy định pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  đ) Tuân thủ các quy định pháp luật về trích lập và sử dụng các khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi;  e) Tuân thủ các quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt do công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành;  g) Tuân thủ các quy định pháp luật về hạn chế và giới hạn cấp tín dụng;  h) Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý rủi ro tín dụng. | Bỏ: (i) điểm đ Khoản 1 Điều 8 “*…đ) Tỷ lệ dư nợ cho vay thành viên quỹ tín dụng nhân dân so với tổng dư nợ cho vay.”*  Lý do:  - Theo Điều 6 Thông tư số 31/2012/TT-NHNN ngày 26/11/2012 về hoạt động của NHHTX (Thông tư số 31) quy định về tính chất và mục tiêu hoạt động của NHHTX: *“NHHTX là loại hình TCTD được tổ chức theo mô hình hợp tác xã với mục tiêu chủ yếu là liên kết, bảo đảm an toàn của hệ thống thông qua việc hỗ trợ tài chính và giám sát hoạt động trong hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. Hoạt động chủ yếu là điều hòa vốn và thực hiện các hoạt động ngân hàng đối với thành viên là các QTDND”.* Như vậy, việc NHHTX cho QTDND thành viên vay điều hòa vốn khi có nhu cầu hoặc khó khăn tạm thời về thanh khoản theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 Thông tư số 31 là phù hợp với tính chất và mục tiêu hoạt động của NHHTX. Chính vì vậy, việc quy định chỉ tiêu tỷ lệ dư nợ cho vay thành viên QTDND so với tổng dư nợ cho vay để tính điểm đối với NHHTX là chưa phù hợp với đặc thù hoạt động của NHHTX.  - Ngoài ra, qua khai thác báo cáo tình hình hoạt động của NHHTX năm 2020 tại Công văn số 184/BC-NHNT ngày 20/01/2021, dư nợ cho vay QTDND thành viên luốn chiếm tỷ trọng thấp trong tổng dư nợ cho vay của NHHTX (31/12/2020 chiếm 16,1%) và giảm 47,13% so với 31/12/2019 chủ yếu do các QTDND đã tự cân đối. |
| **9** | **Điều 9. Quản trị điều hành**  Tiêu chí quản trị điều hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng: Tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ các quy định pháp luật về cổ đông, cổ phần, cổ phiếu;  b) Tuân thủ các quy định pháp luật về giới hạn góp vốn, mua cổ phần;  c) Tuân thủ các quy định pháp luật về Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và các quy định pháp luật khác về quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  d) Tuân thủ các quy định pháp luật về hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro (không bao gồm quản lý rủi ro tín dụng, quản lý rủi ro thanh khoản, quản lý rủi ro thị trường) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  đ) Tuân thủ các quy định pháp luật về kiểm toán độc lập;  e) Tuân thủ các quy định pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo;  g) Tuân thủ các quy định pháp luật về tiền tệ, ngân hàng khác ngoài các quy định đã được đề cập tại các chỉ tiêu định tính quy định tại Điều 7, 8, 10, 11, 12 Thông tư này và Điểm a, b, c, d, đ, e Khoản 2 Điều này. | **Điều 9. Quản trị điều hành**  Tiêu chí quản trị điều hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng: Tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ các quy định pháp luật về cổ đông, cổ phần, cổ phiếu;  b) Tuân thủ các quy định pháp luật về giới hạn góp vốn, mua cổ phần;  c) Tuân thủ các quy định pháp luật về Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và các quy định pháp luật khác về quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  d) Tuân thủ các quy định pháp luật về hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro (không bao gồm quản lý rủi ro tín dụng, quản lý rủi ro thanh khoản, quản lý rủi ro thị trường) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  đ) Tuân thủ các quy định pháp luật về kiểm toán độc lập;  e) Tuân thủ các quy định pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo;  g) Tuân thủ các quy định pháp luật về tiền tệ, ngân hàng khác ngoài các quy định đã được đề cập tại các chỉ tiêu định tính quy định tại Điều 7, 8, 10, 11, 12 Thông tư này và Điểm a, b, c, d, đ, e Khoản 2 Điều này. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **10** | **Điều 10. Kết quả hoạt động kinh doanh**  Tiêu chí kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân;  b) Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế so với tổng tài sản bình quân;  c) Thu nhập lãi cận biên (NIM);  d) Số ngày lãi phải thu.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính: Tuân thủ quy định pháp luật về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | **Điều 10. Kết quả hoạt động kinh doanh**  Tiêu chí kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân;  b) Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế so với tổng tài sản bình quân;  c) Thu nhập lãi cận biên (NIM);  d) Số ngày lãi phải thu.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính: Tuân thủ quy định pháp luật về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **11** | **Điều 11. Khả năng thanh khoản**  Tiêu chí khả năng thanh khoản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân so với tổng tài sản bình quân;  b) Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn;  c) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;  d) Tỷ lệ tiền gửi của khách hàng có số dư tiền gửi lớn so với tổng tiền gửi.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ các quy định pháp luật về tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;  b) Tuân thủ các quy định pháp luật về ban hành, rà soát, sửa đổi, bổ sung và báo cáo quy định nội bộ về quản lý thanh khoản và tuân thủ các quy định pháp luật khác về quản lý rủi ro thanh khoản. | **Điều 11. Khả năng thanh khoản**  Tiêu chí khả năng thanh khoản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân so với tổng tài sản bình quân;  b) Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn;  c) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;  d) Tỷ lệ tiền gửi của khách hàng có số dư tiền gửi lớn so với tổng tiền gửi.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ các quy định pháp luật về tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;  b) Tuân thủ các quy định pháp luật về ban hành, rà soát, sửa đổi, bổ sung và báo cáo quy định nội bộ về quản lý thanh khoản và tuân thủ các quy định pháp luật khác về quản lý rủi ro thanh khoản. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **12** | **Điều 12. Mức độ nhạy cảm đối với rủi ro thị trường**  Tiêu chí mức độ nhạy cảm đối với rủi ro thị trường của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ tổng trạng thái ngoại tệ so với vốn tự có riêng lẻ bình quân;  b) Tỷ lệ chênh lệch giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nợ phải trả nhạy cảm lãi suất so với Vốn chủ sở hữu.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ giới hạn tổng trạng thái ngoại tệ theo quy định của pháp luật;  b) Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý rủi ro thị trường. | **Điều 12. Mức độ nhạy cảm đối với rủi ro thị trường**  Tiêu chí mức độ nhạy cảm đối với rủi ro thị trường của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ tổng trạng thái ngoại tệ so với vốn tự có riêng lẻ bình quân;  b) Tỷ lệ chênh lệch giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nợ phải trả nhạy cảm lãi suất so với Vốn chủ sở hữu.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ giới hạn tổng trạng thái ngoại tệ theo quy định của pháp luật;  b) Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý rủi ro thị trường. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **13** | **CÁCH TÍNH ĐIỂM VÀ XẾP HẠNG**  **Điều 13. Cách tính điểm từng chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu định lượng**  Điểm của từng chỉ tiêu định lượng tại 06 tiêu chí xếp hạng được tính theo các mức điểm 1, 2, 3, 4 hoặc 5; điểm của nhóm chỉ tiêu định lượng được tính theo các mức điểm từ 1 đến 5; trong đó mức điểm 5 là tốt nhất và mức điểm 1 là kém nhất, cụ thể như sau:  1. Điểm của từng chỉ tiêu định lượng được xác định trên cơ sở so sánh giá trị của chỉ tiêu định lượng với các ngưỡng tính điểm của chỉ tiêu định lượng đó. Ngưỡng tính điểm định lượng được xác định căn cứ vào dữ liệu lịch sử về các chỉ tiêu định lượng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Mức điểm của từng chỉ tiêu định lượng được xác định cụ thể như sau:  a) Trường hợp chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng giảm:  (i) Điểm 5 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 1;  (ii) Điểm 4 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 2 và nhỏ hơn ngưỡng 1;  (iii) Điểm 3 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 3 và nhỏ hơn ngưỡng 2;  (iv) Điểm 2 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 4 và nhỏ hơn ngưỡng 3;  (v) Điểm 1 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn ngưỡng 4.  b) Trường hợp chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng tăng:  (i) Điểm 5 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 1;  (ii) Điểm 4 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 2 và lớn hơn ngưỡng 1;  (iii) Điểm 3 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 3 và lớn hơn ngưỡng 2;  (iv) Điểm 2 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 4 và lớn hơn ngưỡng 3;  (v) Điểm 1 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn ngưỡng 4.  c) Trường hợp chỉ tiêu định lượng có giá trị càng sát giá trị 0 thì mức độ rủi ro càng giảm:  (i) Điểm 5 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 1;  (ii) Điểm 4 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 2 và lớn hơn ngưỡng 1;  (iii) Điểm 3 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 3 và lớn hơn ngưỡng 2;  (iv) Điểm 2 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 4 và lớn hơn ngưỡng 3;  (v) Điểm 1 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu lớn hơn ngưỡng 4.  d) Các ngưỡng 1, ngưỡng 2, ngưỡng 3 và ngưỡng 4 của từng chỉ tiêu định lượng áp dụng đối với từng nhóm đồng hạng được quy định tại Điều 14 Thông tư này.  2. Điểm của nhóm chỉ tiêu định lượng tại từng tiêu chí được xác định bằng tổng điểm của từng chỉ tiêu định lượng sau khi nhân với trọng số của từng chỉ tiêu định lượng. Trọng số của từng chỉ tiêu định lượng áp dụng đối với từng nhóm đồng hạng được quy định tại Điều 15 Thông tư này.  3. Đối với các chỉ tiêu định lượng quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 7 Thông tư này, trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN, điểm của chỉ tiêu định lượng quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 7 Thông tư này sẽ được cộng thêm một điểm sau khi đã được xác định theo quy định tại Điểm a, d Khoản 1 Điều này. | **CÁCH TÍNH ĐIỂM VÀ XẾP HẠNG**  **Điều 13. Cách tính điểm từng chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu định lượng**  Điểm của từng chỉ tiêu định lượng tại 06 tiêu chí xếp hạng được tính theo các mức điểm 1, 2, 3, 4 hoặc 5; điểm của nhóm chỉ tiêu định lượng được tính theo các mức điểm từ 1 đến 5; trong đó mức điểm 5 là tốt nhất và mức điểm 1 là kém nhất, cụ thể như sau:  1. Điểm của từng chỉ tiêu định lượng được xác định trên cơ sở so sánh giá trị của chỉ tiêu định lượng với các ngưỡng tính điểm của chỉ tiêu định lượng đó. Ngưỡng tính điểm định lượng được xác định căn cứ vào dữ liệu lịch sử về các chỉ tiêu định lượng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Mức điểm của từng chỉ tiêu định lượng được xác định cụ thể như sau:  a) Trường hợp chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng giảm:  (i) Điểm 5 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 1;  (ii) Điểm 4 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 2 và nhỏ hơn ngưỡng 1;  (iii) Điểm 3 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 3 và nhỏ hơn ngưỡng 2;  (iv) Điểm 2 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 4 và nhỏ hơn ngưỡng 3;  (v) Điểm 1 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn ngưỡng 4.  b) Trường hợp chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng tăng:  (i) Điểm 5 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 1;  (ii) Điểm 4 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 2 và lớn hơn ngưỡng 1;  (iii) Điểm 3 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 3 và lớn hơn ngưỡng 2;  (iv) Điểm 2 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 4 và lớn hơn ngưỡng 3;  (v) Điểm 1 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn ngưỡng 4.  c) Trường hợp chỉ tiêu định lượng có giá trị càng sát giá trị 0 thì mức độ rủi ro càng giảm:  (i) Điểm 5 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 1;  (ii) Điểm 4 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 2 và lớn hơn ngưỡng 1;  (iii) Điểm 3 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 3 và lớn hơn ngưỡng 2;  (iv) Điểm 2 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 4 và lớn hơn ngưỡng 3;  (v) Điểm 1 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu lớn hơn ngưỡng 4.  d) Các ngưỡng 1, ngưỡng 2, ngưỡng 3 và ngưỡng 4 của từng chỉ tiêu định lượng áp dụng đối với từng nhóm đồng hạng được quy định tại Điều 14 Thông tư này.  2. Điểm của nhóm chỉ tiêu định lượng tại từng tiêu chí được xác định bằng tổng điểm của từng chỉ tiêu định lượng sau khi nhân với trọng số của từng chỉ tiêu định lượng. Trọng số của từng chỉ tiêu định lượng áp dụng đối với từng nhóm đồng hạng được quy định tại Điều 15 Thông tư này.  3. Đối với các chỉ tiêu định lượng quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 7 Thông tư này, trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN, điểm của chỉ tiêu định lượng quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 7 Thông tư này sẽ được cộng thêm một điểm sau khi đã được xác định theo quy định tại Điểm a, d Khoản 1 Điều này. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **14** | **Điều 14. Ngưỡng tính điểm từng chỉ tiêu định lượng**  Các ngưỡng 1, ngưỡng 2, ngưỡng 3 và ngưỡng 4 của từng chỉ tiêu định lượng theo từng nhóm đồng hạng được xác định cụ thể như sau...  …  - Số thứ tự 2.5 Điều 14: đ) Tỷ lệ dư nợ cho vay thành viên quỹ tín dụng nhân dân so với tổng dư nợ cho vay.  - Số thứ tự 4.1 Điều 14: Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân được quy định: *“Chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng thấp”.* | **Điều 14. Ngưỡng tính điểm từng chỉ tiêu định lượng**  Các ngưỡng 1, ngưỡng 2, ngưỡng 3 và ngưỡng 4 của từng chỉ tiêu định lượng theo từng nhóm đồng hạng được xác định cụ thể như sau...  …  - Bỏ Số thứ tự 2.5 Điều 14  - Số thứ tự 4.1 Điều 14: Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân được quy định: “*Chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng thấp, ngoại trừ trường hợp lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu bình quân có giá trị âm”.* | *1. Lý do bỏ Số thứ tự 2.5 Điều 14 tương tự lý do bỏ Điểm đ Khoản 1 Điều 8 (đã nêu bên trên)*  *2. Lý do sửa đổi, bổ sung Số thứ tự 2.5 Điều 14:*  Trong trường hợp lợi nhuận trước thuế âm, vốn chủ sở hữu bình quân âm dẫn đến giá trị của chỉ tiêu 4.1 dương. Do đó, khi tham chiếu ngưỡng để tính điểm xếp hạng của chỉ tiêu sẽ không phù hợp về mặt kinh tế. |
| **15** | **Điều 15. Trọng số của từng chỉ tiêu định lượng**  Trọng số của từng chỉ tiêu định lượng áp dụng đối với từng nhóm đồng hạng được xác định cụ thể như sau:  *(Bảng biểu chi tiết)*  1. Số thứ tự 2.2 Điều 15 về trọng số đối với Ngân hàng hợp tác xã: 20%.  2. Số thứ tự 2.3 Điều 15 về trọng số đối với Ngân hàng hợp tác xã: 10%.  3. Số thứ tự 2.5 Điều 15: đ) Tỷ lệ dư nợ cho vay thành viên quỹ tín dụng nhân dân so với tổng dư nợ cho vay. | **Điều 15. Trọng số của từng chỉ tiêu định lượng**  Trọng số của từng chỉ tiêu định lượng áp dụng đối với từng nhóm đồng hạng được xác định cụ thể như sau:  *(Bảng biểu chi tiết)*  1. STT 2.2 Điều 15 về trọng số đối với Ngân hàng hợp tác xã: *25%.*  2. STT 2.3 Điều 15 về trọng số đối với Ngân hàng hợp tác xã: *15%.*  3. Bỏ | Điều chỉnh để tương ứng với việc bỏ tỷ lệ *“…đ) Tỷ lệ dư nợ cho vay thành viên quỹ tín dụng nhân dân so với tổng dư nợ cho vay”* đối với Ngân hàng hợp tác xã. |
| **16** | **Điều 16. Cách tính điểm nhóm chỉ tiêu định tính**  1. Điểm của nhóm chỉ tiêu định tính tại từng tiêu chí xếp hạng được xác định trên cơ sở đánh giá mức độ tuân thủ quy định pháp luật của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với mức điểm 5 là tốt nhất và mức điểm 0,1 là kém nhất, cụ thể như sau:  2. Điểm 5 nếu các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tuân thủ toàn bộ các quy định pháp luật tại từng chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu định tính.  3. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ nhận các mức điểm thấp dần khi vi phạm các quy định pháp luật nêu tại các chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu định tính quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này. Các vi phạm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng để tính điểm theo nguyên tắc sau:  a) Các vi phạm được phát hiện trong năm xếp hạng:  (i) Đối với hành vi vi phạm có quy định mức phạt tiền tại Nghị định quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính sẽ được xác định căn cứ vào mức tiền phạt trung bình đối với vi phạm, cụ thể như sau:  - Điểm 4 nếu mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm nhỏ hơn hoặc bằng 100 triệu đồng;  - Điểm 3 nếu mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm nhỏ hơn hoặc bằng 200 triệu đồng và lớn hơn 100 triệu đồng;  - Điểm 2 nếu mức phạt tiền trung bình vi phạm nhỏ hơn hoặc bằng 300 triệu đồng và lớn hơn 200 triệu đồng;  - Điểm 1 nếu mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm lớn hơn 300 triệu đồng.  (ii) Đối với các hành vi vi phạm khác, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ nhận mức điểm 4;  (iii) Trường hợp vi phạm nhiều quy định khác nhau (tại cùng một nhóm chỉ tiêu định tính) tương ứng với các mức điểm khác nhau, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ nhận mức điểm thấp nhất trong số các mức điểm tương ứng với các vi phạm;  (iv) Sau khi xác định mức điểm đối với nhóm chỉ tiêu định tính căn cứ vào quy định nêu tại Điểm a (i), a (ii), a (iii) Khoản này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ tiếp tục bị trừ điểm với điều kiện số điểm trừ tối đa không nhiều hơn 0,9 điểm theo nguyên tắc như sau:  - Trường hợp vi phạm cùng một quy định nhiều lần, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ bị trừ 0,1 điểm đối với mỗi lần vi phạm (áp dụng từ lần vi phạm thứ hai trở lên);  - Trường hợp vi phạm nhiều lần đối với các quy định khác nhau (tại cùng một nhóm chỉ tiêu định tính), tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ bị trừ 0,1 điểm đối với mỗi lần vi phạm (áp dụng từ lần vi phạm thứ hai trở lên).  b) Các vi phạm được phát hiện trước năm xếp hạng chưa được khắc phục xong được sử dụng để chấm điểm trong năm xếp hạng theo quy định tại Điểm a (i), a (ii), a (iii), a (iv) Khoản này cho đến khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoàn thành khắc phục;  c) Vi phạm được sử dụng để tính điểm nhóm chỉ tiêu định tính bao gồm:  (i) Vi phạm được xác định thông qua kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (bao gồm Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước khác và công ty kiểm toán độc lập) hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các cấp có thẩm quyền;  (ii) Vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự báo cáo.  3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa hoặc không thuộc đối tượng phải tuân thủ một hoặc các chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu định tính quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư này theo quy định của pháp luật thì chưa hoặc không bị tính điểm đối với một hoặc các chỉ tiêu đó. | **Điều 16. Cách tính điểm nhóm chỉ tiêu định tính**  1. Điểm của nhóm chỉ tiêu định tính tại từng tiêu chí xếp hạng được xác định trên cơ sở đánh giá mức độ tuân thủ quy định pháp luật của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với mức điểm 5 là tốt nhất và mức điểm 0,1 là kém nhất, cụ thể như sau:  2. Điểm 5 nếu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài *không có hành vi* vi phạm quy định pháp luật được phát hiện trong năm xếp hạng *và các vi phạm phát hiện trước năm xếp hạng đã khắc phục xong* tại từng chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu định tính.  3. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ nhận các mức điểm thấp dần khi vi phạm các quy định pháp luật nêu tại các chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu định tính quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này. Các vi phạm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng để tính điểm theo nguyên tắc sau:  *a) Vi phạm được sử dụng để tính điểm nhóm chỉ tiêu định tính bao gồm:*  (i) Vi phạm được xác định thông qua kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (bao gồm Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước khác và công ty kiểm toán độc lập) hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các cấp có thẩm quyền;  (ii) Vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự *phát hiện và* báo cáo.  *b) Các vi phạm được phát hiện trong năm xếp hạng:*  (i) Đối với hành vi vi phạm có quy định mức phạt tiền tại Nghị định quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính sẽ được xác định căn cứ vào mức tiền phạt trung bình đối với vi phạm, cụ thể như sau:  - Điểm 4 nếu mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm nhỏ hơn hoặc bằng 100 triệu đồng;  - Điểm 3 nếu mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm nhỏ hơn hoặc bằng 200 triệu đồng và lớn hơn 100 triệu đồng;  - Điểm 2 nếu mức phạt tiền trung bình vi phạm nhỏ hơn hoặc bằng 300 triệu đồng và lớn hơn 200 triệu đồng;  - Điểm 1 nếu mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm lớn hơn 300 triệu đồng.  (ii) Đối với các hành vi vi phạm khác, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ nhận mức điểm 4;  (iii) Trường hợp vi phạm nhiều quy định khác nhau (tại cùng một nhóm chỉ tiêu định tính) tương ứng với các mức điểm khác nhau, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ nhận mức điểm thấp nhất trong số các mức điểm tương ứng với các vi phạm;  (iv) Sau khi xác định mức điểm đối với nhóm chỉ tiêu định tính căn cứ vào quy định nêu tại *Điểm b (i), b (ii), b (iii)* Khoản này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ tiếp tục bị trừ điểm với điều kiện số điểm trừ tối đa không nhiều hơn 0,9 điểm theo nguyên tắc như sau:  *- Tại cùng một nhóm chỉ tiêu định tính, trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vi phạm nhiều lần đối với cùng một quy định và/hoặc vi phạm nhiều lần đối với các quy định khác nhau sẽ bị* ***trừ 0,1*** *điểm đối với mỗi lần vi phạm (áp dụng từ lần vi phạm thứ hai trở lên).*  *- Riêng đối với trường hợp vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện và báo cáo và chưa khắc phục xong, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ bị* ***trừ 0,05*** *điểm đối với mỗi vi phạm (áp dụng từ lần vi phạm thứ hai trở lên).*  *(v) Riêng vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện và báo cáo nhưng đã khắc phục xong trong năm xếp hạng theo đánh giá của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thì không bị tính điểm.*  c) Các vi phạm được phát hiện trước năm xếp hạng chưa được khắc phục xong được sử dụng để chấm điểm trong năm xếp hạng theo quy định tại *Điểm b (i), b (ii), b (iii), b (iv)* Khoản này cho đến khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoàn thành khắc phục.  *4.* Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa hoặc không thuộc đối tượng phải tuân thủ một hoặc các chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu định tính quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư này theo quy định của pháp luật thì chưa hoặc không bị tính điểm đối với một hoặc các chỉ tiêu đó. | *1. Đối với Khoản 2 Điều 16:*  Việc sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp và dễ hiểu hơn.  *2. Đối với Khoản 3 Điều 16:*  Việc TCTD tăng cường công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhằm tự phát hiện các hành vi vi phạm (nếu có) trong quá trình hoạt động, từ đó kịp thời có các biện pháp xử lý là hết sức quan trọng và cần được khuyến khích. Do đó, có thể xem xét phân loại các hành vi vi phạm phát hiện thông qua kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán…và các hành vi vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện và báo cáo. Từ đó, điều chỉnh điểm trừ phù hợp hơn theo hướng các hành vi vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện và báo cáo nhưng chưa khắc phục xong sẽ bị trừ ít điểm hơn so với các hành vi vi phạm khác.  *3. Đối với Khoản 4 Điều 16:*  Sửa đổi, điều chỉnh lại thứ tự các Khoản Điều 16 cho chính xác. |
| **17** | **Điều 17. Điểm của từng tiêu chí**  Điểm của từng tiêu chí được quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này bằng tổng điểm của nhóm chỉ tiêu định lượng và điểm của nhóm chỉ tiêu định tính thuộc tiêu chí sau khi nhân với trọng số của từng nhóm chỉ tiêu định lượng và nhóm chỉ tiêu định tính. Trọng số của từng nhóm chỉ tiêu định lượng, nhóm chỉ tiêu định tính được quy định tại Điều 18 Thông tư này. | **Điều 17. Điểm của từng tiêu chí**  Điểm của từng tiêu chí được quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này bằng tổng điểm của nhóm chỉ tiêu định lượng và điểm của nhóm chỉ tiêu định tính thuộc tiêu chí sau khi nhân với trọng số của từng nhóm chỉ tiêu định lượng và nhóm chỉ tiêu định tính. Trọng số của từng nhóm chỉ tiêu định lượng, nhóm chỉ tiêu định tính được quy định tại Điều 18 Thông tư này. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **18** | **Điều 18. Trọng số từng tiêu chí, nhóm chỉ tiêu định lượng và nhóm chỉ tiêu định tính trong từng tiêu chí**  1. Trọng số của từng tiêu chí, nhóm chỉ tiêu định lượng, nhóm chỉ tiêu định tính được xác định cụ thể như sau...  2. Đối với công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và ngân hàng hợp tác xã, trọng số của tiêu chí Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường là 5%, trọng số của nhóm chỉ tiêu định lượng của tiêu chí Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường là 5% và trọng số của nhóm chỉ tiêu định tính của tiêu chí Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường là 0%. | **Điều 18. Trọng số từng tiêu chí, nhóm chỉ tiêu định lượng và nhóm chỉ tiêu định tính trong từng tiêu chí**  1. Trọng số của từng tiêu chí, nhóm chỉ tiêu định lượng, nhóm chỉ tiêu định tính được xác định cụ thể như sau...  2. Đối với công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và ngân hàng hợp tác xã, trọng số của tiêu chí Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường là 5%, trọng số của nhóm chỉ tiêu định lượng của tiêu chí Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường là 5% và trọng số của nhóm chỉ tiêu định tính của tiêu chí Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường là 0%. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **19** | **Điều 19. Cách tính tổng điểm xếp hạng**  1. Tổng điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định trên cơ sở tổng điểm của từng tiêu chí sau khi nhân với trọng số của từng tiêu chí. Trọng số của từng tiêu chí được quy định tại Điều 18 Thông tư này.  2. Tổng điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ điểm khi điểm của nhóm chỉ tiêu định tính của từ 4 tiêu chí trở lên nhỏ hơn hoặc bằng 1 điểm theo các trường hợp sau:  a) Trường hợp tổng điểm xếp hạng lớn hơn 1, tổng điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ 1 điểm;  b) Trường hợp tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn hoặc bằng 1, tổng điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ điểm và bằng 0,1 điểm. | **Điều 19. Cách tính tổng điểm xếp hạng**  1. Tổng điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định trên cơ sở tổng điểm của từng tiêu chí sau khi nhân với trọng số của từng tiêu chí. Trọng số của từng tiêu chí được quy định tại Điều 18 Thông tư này.  2. Tổng điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ điểm khi điểm của nhóm chỉ tiêu định tính của từ 4 tiêu chí trở lên nhỏ hơn hoặc bằng 1 điểm theo các trường hợp sau:  a) Trường hợp tổng điểm xếp hạng lớn hơn 1, tổng điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ 1 điểm;  b) Trường hợp tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn hoặc bằng 1, tổng điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ điểm và bằng 0,1 điểm. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **20** | **Điều 20. Xếp hạng**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xếp vào các hạng như sau:  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng A (Tốt) nếu Tổng điểm xếp hạng lớn hơn hoặc bằng 4,5.  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng B (Khá) nếu Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 4,5 và lớn hơn hoặc bằng 3,5.  3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng C (Trung bình) nếu Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 3,5 và lớn hơn hoặc bằng 2,5.  4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng D (Yếu) nếu Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 2,5 và lớn hơn hoặc bằng 1,5.  5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng E (Yếu kém) nếu Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 1,5.  6. Ngoài quy định nêu tại Khoản 4 Điều 20 Thông tư này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng (D) nếu lâm vào một trong các trường hợp quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 130a Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).  7. Ngoài quy định nêu tại Khoản 5 Điều 20 Thông tư này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng E nếu lâm vào một trong các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 145 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) và chưa được Ngân hàng Nhà nước đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt. | **Điều 20. Xếp hạng**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xếp vào các hạng như sau:  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng A (Tốt) nếu Tổng điểm xếp hạng lớn hơn hoặc bằng 4,5.  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng B (Khá) nếu Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 4,5 và lớn hơn hoặc bằng 3,5.  3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng C (Trung bình) nếu Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 3,5 và lớn hơn hoặc bằng 2,5.  4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng D (Yếu) nếu Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 2,5 và lớn hơn hoặc bằng 1,5.  5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng E (Yếu kém) nếu Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 1,5.  6. Ngoài quy định nêu tại Khoản 4 Điều 20 Thông tư này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng (D) nếu lâm vào một trong các trường hợp sau đây:  *a) Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 của Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) trong thời gian 03 tháng liên tục;*  *b) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 của Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) trong thời gian 06 tháng liên tục.*  7. Ngoài quy định nêu tại Khoản 5 Điều 20 Thông tư này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng E nếu chưa được NHNN đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt và lâm vào một trong các trường hợp sau đây:  *a) Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;*  *b) Số lỗ lũy kế của tổ chức tín dụng lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ;*  *c) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 của Luật các tổ chức tín dụng trong thời gian 12 tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% trong thời gian 06 tháng liên tục...*  *8. Tổng điểm xếp hạng được làm tròn đến số thập phân thứ hai và theo nguyên tắc như sau:*  *a) Số thập phân thứ hai tăng 0,01 điểm nếu số thập phân thứ ba có giá trị từ 6 đến 9;*  *b) Giữ nguyên số thập phân thứ hai nếu số thập phân thứ ba có giá trị từ 0 đến 5.* | *1. Đối với Khoản 1, 2, 3 Điều 20:* DTTT giữ nguyên quy định này.  *2. Đối với Khoản 6, 7 Điều 20:*  Khi áp dụng các nguyên tắc xếp TCTD vào các hạng, có một số ý kiến đề xuất việc điều chỉnh và bổ sung rõ hơn trong trường hợp xếp vào các hạng D, E (quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều 20). Do đó, DTTT được chỉnh sửa, bổ sung theo hướng quy định cụ thể *các trường hợp* xếp hạng D (ngoài quy định tại Khoản 4 Điều 20) và trường hợp xếp hạng E (ngoài quy định tại Khoản 5 Điều 20).  *3. Đối với việc bổ sung Khoản 8 Điều 20:*  Nhằm thống nhất trong quá trình thực hiện xếp hạng các TCTD, tổng điểm xếp hạng được làm tròn đến số thập phân thứ hai theo nguyên tắc như sau:  (i) Số thập phân thứ hai tăng 0,01 điểm nếu số thập phân thứ ba có giá trị từ 6 đến 9.  *Ví dụ:*  - Tổng điểm xếp hạng đạt 3,558 sẽ được làm tròn lên thành 3,56.  - Tổng điểm xếp hạng đạt 3,698 sẽ được làm tròn lên thành 3,70.  (ii) Giữ nguyên số thập phân thứ hai nếu số thập phân thứ ba có giá trị từ 0 đến 5.  *Ví dụ:* tổng điểm xếp hạng đạt 3,553 sẽ được làm tròn xuống thành 3,55. |
| **21** | **KẾT QUẢ XẾP HẠNG**  **Điều 21. Tần suất, thời gian thực hiện, phê duyệt xếp hạng**  1. Trước ngày 10 tháng 6 hàng năm, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả xếp hạng của năm trước liền kề đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả xếp hạng của năm trước liền kề đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3. Trong trường hợp phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đột xuất, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định thời gian thực hiện xếp hạng và phê duyệt kết quả xếp hạng khác quy định tại Khoản 1, 2 Điều này. | **KẾT QUẢ XẾP HẠNG**  **Điều 21. Tần suất, thời gian thực hiện, phê duyệt xếp hạng**  1. Trước ngày 10 tháng 6 hàng năm, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả xếp hạng của năm trước liền kề đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả xếp hạng của năm trước liền kề đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  *3. Căn cứ yêu cầu quản lý nhà nước và đối với từng trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cơ cấu lại,* Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định thời gian thực hiện xếp hạng và phê duyệt kết quả xếp hạng khác quy định tại Khoản 1, 2 Điều này. | *1. Đối với Khoản 1, 2 Điều 21:*  DTTT giữ nguyên quy định này.  *2. Đối với Khoản 3 Điều 21:*  Khoản 3 Điều 21 quy định việc Thống đốc NHNN quyết định thời gian thực hiện và phê duyệt kết quả xếp hạng trong các trường hợp đột xuất; việc phê duyệt kết quả xếp hạng hằng năm thực hiện trước ngày 30 tháng 6 theo quy định tại Khoản 2 Điều 21.  Tuy nhiên, đối với các trường hợp TCTD đang được NHNN trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cơ cấu lại…, để phù hợp với thực tiễn và yêu cầu quản lý nhà nước, cần quy định cụ thể hơn việc Thống đốc NHNN quyết định thời điểm phê duyệt kết quả xếp hạng đối với từng trường hợp TCTD cụ thể. |
| **22** | **Điều 22. Thông báo kết quả xếp hạng**  1. Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả xếp hạng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thông báo kết quả xếp hạng cho từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính.  2. Nội dung thông báo kết quả xếp hạng:  a) Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Thông báo kết quả xếp hạng (bao gồm hạng và tổng điểm xếp hạng) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  b) Đối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố: Thông báo kết quả xếp hạng (bao gồm hạng và tổng điểm xếp hạng) của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính trên địa bàn tỉnh, thành phố.  3. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm cung cấp kết quả xếp hạng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị này khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.  4. Ngân hàng Nhà nước thực hiện cung cấp kết quả xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước khác theo đúng quy định pháp luật.  5. Việc thông báo kết quả xếp hạng ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng nước ngoài cho ngân hàng trung ương nước ngoài, cơ quan giám sát tài chính nước ngoài thực hiện theo Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng trung ương, cơ quan giám sát ngân hàng nước ngoài. | **Điều 22. Thông báo kết quả xếp hạng**  1. Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả xếp hạng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thông báo kết quả xếp hạng cho từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phốnơi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính.  2. Nội dung thông báo kết quả xếp hạng:  a) Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Thông báo kết quả xếp hạng (bao gồm hạng và tổng điểm xếp hạng) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  b) Đối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố: Thông báo kết quả xếp hạng (bao gồm hạng và tổng điểm xếp hạng) của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính trên địa bàn tỉnh, thành phố.  3. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm cung cấp kết quả xếp hạng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị này khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.  4. Ngân hàng Nhà nước thực hiện cung cấp kết quả xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước khác theo đúng quy định pháp luật.  5. Việc thông báo kết quả xếp hạng ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng nước ngoài cho ngân hàng trung ương nước ngoài, cơ quan giám sát tài chính nước ngoài thực hiện theo Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng trung ương, cơ quan giám sát ngân hàng nước ngoài. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **23** | **Điều 23. Quản lý kết quả xếp hạng**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp kết quả xếp hạng cho bên thứ ba (bao gồm cả ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài) dưới bất kỳ hình thức nào.  2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước khác thuộc đối tượng được cung cấp kết quả xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Khoản 4 Điều 22 Thông tư này phải thực hiện lưu trữ và sử dụng kết quả xếp hạng theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành ngân hàng. | **Điều 23. Quản lý kết quả xếp hạng**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp kết quả xếp hạng cho bên thứ ba (bao gồm cả ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài) dưới bất kỳ hình thức nào.  2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước khác thuộc đối tượng được cung cấp kết quả xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Khoản 4 Điều 22 Thông tư này phải thực hiện lưu trữ và sử dụng kết quả xếp hạng theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành ngân hàng. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **24** | **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**  **Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, thông tin, dữ liệu cung cấp và có trách nhiệm giải trình, báo cáo bổ sung các nội dung liên quan tới việc xếp hạng theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.  2. Quản lý kết quả xếp hạng theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Thông tư này và các quy định pháp luật khác. | **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**  **Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, thông tin, dữ liệu cung cấp và có trách nhiệm giải trình, báo cáo bổ sung các nội dung liên quan tới việc xếp hạng theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.  2. Quản lý kết quả xếp hạng theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Thông tư này và các quy định pháp luật khác. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **25** | **Điều 25. Trách nhiệm, quyền hạn của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng**  1. Làm đầu mối, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3. Tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước các biện pháp xử lý đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật trên cơ sở kết quả xếp hạng đã được phê duyệt.  4. Lưu trữ, thông báo, cung cấp kết quả xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đúng quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan. | **Điều 25. Trách nhiệm, quyền hạn của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng**  1. Làm đầu mối, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3. Tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước các biện pháp xử lý đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật trên cơ sở kết quả xếp hạng đã được phê duyệt.  4. Lưu trữ, thông báo, cung cấp kết quả xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đúng quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **26** | **Điều 26. Trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**  1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện việc xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước các biện pháp xử lý đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật trên cơ sở kết quả xếp hạng đã được phê duyệt.  3. Lưu trữ kết quả xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đúng quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan. | **Điều 26. Trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**  1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện việc xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước các biện pháp xử lý đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật trên cơ sở kết quả xếp hạng đã được phê duyệt.  3. Lưu trữ kết quả xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đúng quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **27** | **Điều 27. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 và bắt đầu áp dụng để xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài từ năm 2019.  2. Bãi bỏ Quyết định số 06/2008/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 03 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định xếp loại ngân hàng thương mại cổ phần. | **Điều 27. Hiệu lực thi hành**  Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2021 và bắt đầu áp dụng để xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài từ năm 2021. | Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thời điểm DTTT có hiệu lực thi hành. |
| **28** | **Điều 28. Tổ chức thực hiện**  Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi chức năng của mình chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện Thông tư này. | **Điều 28. Tổ chức thực hiện**  Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi chức năng của mình chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện Thông tư này. | DTTT giữ nguyên quy định này. |

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

1. Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 39/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về kiểm toán độc lập đối với TCTD, chi nhánh NHNNg. [↑](#footnote-ref-1)